

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-ST
Ngày: 11-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Ông Lê Quang Xệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 125/2022/TLST-KDTM ngày 27/12/2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T.

Địa chỉ: đường N, Tổ 1, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh V, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 08/12/2022). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty P.

Địa chỉ: đường T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái P; địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/5/2022, giữa Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty P (sau đây viết tắt là Công ty P) ký kết hợp đồng Cung cấp hàng hóa số: 008/HĐ-CCTP. Theo đó, Công ty T bán các mặt hàng là: Thịt, cá, gia cầm, rau, củ, quả, trái cây, gia vị các loại hàng hoá đầu vào để tổ chức nấu suất ăn công nghiệp... cho Công ty P. Đơn giá hàng do hai bên thỏa thuận theo biến động hàng ngày theo thị trường hoặc theo giá bình ổn cố định hàng tháng. Công ty P sẽ thực hiện đặt hàng trước 01 tuần. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/9/2022 đến ngày 31/10/2022, Công ty T đã giao số lượng hàng cho Công ty P với tổng giá trị là 420.832.400 đồng, trong đó tháng 9/2022 là 177.286.000 đồng, tháng 10/2022 là 243.546.400 đồng. Hàng tháng, giữa Công ty T và Công ty P có thực hiện việc đối chiếu công nợ. Công ty P đã thanh toán tổng số tiền 130.000.000 đồng, trong đó thanh toán 100.000.000 đồng vào ngày 25/10/2022, thanh toán số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22/11/2022, việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Số tiền Công ty P còn nợ Công ty T là 290.832.400 đồng.

Theo Biên Bản xác nhận công nợ lập ngày 31/10/2022, Công ty P cam kết thời hạn phải thanh toán dứt điểm số tiền nợ là ngày 15/11/2022 nhưng đến nay, mặc dù Công ty T đã nhiều lần nhắc nợ, đòi nợ nhưng Công ty P vẫn cố tình né tránh, chiếm dụng vốn, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Công ty T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: buộc Công ty P thanh toán cho Công ty T số tiền 290.832.400 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày thụ lý vụ án (27/12/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty P theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty P không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 120/ĐKKD ngày 23/02/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty P đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại đường T, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Thái P. Công ty P chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty P thanh toán cho Công ty T số tiền 290.832.400 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,8%/tháng tính từ ngày thụ lý vụ án (27/12/2022) cho đến ngày xét xử với số tiền 8.143.307 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán các mặt hàng để tổ chức nấu ăn công nghiệp giữa Công ty T và Công ty P. Bị đơn Công ty P có trụ sở tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty P đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, ngày 04/5/2022, giữa Công ty T và Công ty P xác lập Hợp đồng cung cấp hàng hoá số 008 TP-PA/CCTP. Theo nội dung hợp đồng, Công ty P thỏa thuận mua các mặt hàng: Thịt, cá, gia cầm, rau, củ, quả, trái cây, gia vị các loại hàng hoá đầu vào để tổ chức nấu suất ăn công nghiệp... từ Công ty T. Hợp đồng cung cấp hàng hoá giữa Công ty T và Công ty P thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã đặt hàng và Công ty T đã cung cấp các mặt hàng để tổ chức nấu suất ăn công nghiệp cho Công ty P và Công ty P đã xác nhận nợ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 31/10/2022, theo đó Công ty P còn nợ Công ty T số tiền 420.832.400 đồng, quá trình mua bán, Công ty P đã thanh toán số tiền 130.000.000 đồng, còn nợ số tiền 290.832.400 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 290.832.400 đồng là có cơ sở.

[3.2] Tiền lãi chậm trả: Công ty T yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày thụ lý vụ án (27/12/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 0,8%/tháng với số tiền 8.143.307 đồng. Tại Điều 306 Luật

Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 11/4/2023) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,8%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP An Bình 13,65%/năm, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm). Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,8%/tháng tương đương 9,6%/năm là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng số tiền Công ty P phải thanh toán cho Công ty T là 298.975.707 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 298.975.707 đồng, tương đương số tiền án phí: 14.948.785 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 298.975.707 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 290.832.400 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 8.143.307 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty P phải nộp số tiền 14.948.785 đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền 7.271.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006608 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung